

**BỘ Y TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2021/TT-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**THÔNG TƯ**

**Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành**

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,*

*Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.*

**Điều 1. Bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành**

Bãi bỏ toàn bộ 08 văn bản quy phạm pháp luật và bãi bỏ một phần 01 văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2021.

### **Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (Công báo; Cổng thông tin điện tử CP);
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đơn vị trực thuộc Bộ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC (05 bản).

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Thanh Long**

**Phụ lục****DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BYT ngày tháng năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ TOÀN BỘ**

1. Quyết định số 462-BYT/QĐ ngày 30 tháng 8 năm 1960 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành các bảng thuốc độc A, B và quy chế quản lý thuốc độc.
2. Thông tư số 20-BYT/TT ngày 30 tháng 8 năm 1960 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thi hành Quyết định số 462-BYT/QĐ ngày 30 tháng 8 năm 1960 ban hành các bảng thuốc độc A, B và quy chế thuốc độc.
3. Quyết định số 315-BYT-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chế thuốc độc mới và chế độ nhãn thuốc.
4. Thông tư số 08-BYT-TT ngày 04 tháng 4 năm 1963 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thi hành Quyết định số 315-BYT-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 1963.
5. Thông tư số 31-BYT-TT ngày 27 tháng 10 năm 1964 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi và bổ sung quy chế thuốc độc và chế độ nhãn thuốc ban hành theo Quyết định số 315-BYT-QĐ ngày 04 tháng 4 năm 1963 của Bộ Y tế.
6. Thông tư số 24-BYT/TT ngày 14 tháng 6 năm 1965 của Bộ trưởng Bộ Y tế bổ sung và sửa đổi quy chế thuốc độc.
7. Thông tư số 24-BYT-TT ngày 01 tháng 10 năm 1973 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn bổ sung việc thực hiện quy chế thuốc độc đối với thuốc độc bảng A gây nghiện.
8. Thông tư số 32/2015/TT-BYT ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## II. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN

TÊN VĂN BẢN	NỘI DUNG BÃI BỎ
<p>Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.</p>	<p>Các nội dung thuộc Quy định ban hành kèm theo Quyết định, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần 2. Giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.</li> <li>- Phần 3. Giới hạn tối đa độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li> <li>- Phần 4. Quy định vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ chứa đựng thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mục 4.1. Quy định giới hạn an toàn tối đa kim loại nặng thôi nhiễm từ dụng cụ chứa đựng thực phẩm bằng gốm và thủy tinh.</li> <li>+ Mục 4.2. Quy định giới hạn an toàn tối đa kim loại nặng thôi nhiễm từ dụng cụ chứa đựng thực phẩm bằng thủy tinh có lồng sâu.</li> <li>+ Mục 4.3. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm từ hợp kim chế tạo đồ hộp (không kể loại thực phẩm khô, dầu mỡ).</li> <li>+ Mục 4.4. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm từ nhựa tổng hợp.</li> </ul> </li> <li>- Phần 5. Giới hạn tối đa kim loại trong thực phẩm.</li> <li>- Phần 6. Giới hạn vi sinh trong thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Mục 6.1. Giới hạn cho phép vi sinh vật trong sữa và sản phẩm sữa.</li> <li>+ Mục 6.2. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong thịt và sản phẩm thịt.</li> <li>+ Mục 6.3. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật cá và thủy sản.</li> <li>+ Mục 6.4. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong trứng và sản phẩm trứng.</li> <li>+ Mục 6.6. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong rau, quả và sản phẩm rau, quả.</li> <li>+ Mục 6.7. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong nước khoáng và nước giải khát đóng chai.</li> <li>+ Mục 6.9. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong thức ăn đặc biệt.</li> <li>+ Mục 6.10. Quy định giới hạn cho phép vi sinh vật trong kem và nước đá.</li> </ul> </li> <li>- Phần 8. Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm./.</li> </ul>